

Đối với tài sản cố định hình thành bằng nguồn vốn tự có của đơn vị và vốn tín dụng của Ngân hàng, đơn vị được để lại toàn bộ khoản tiền thu được do điều động và nhượng bán để bổ sung vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản và trả nợ Ngân hàng.

Điều 29. — Tài sản cố định không còn khả năng sử dụng, hoặc vẫn còn khả năng sử dụng nhưng xét thấy không có hiệu quả, xí nghiệp phải lập phương án thanh lý trình lên cơ quan chủ quản cấp trên. Sau 30 ngày (tính từ ngày gửi đi của cơ quan Bưu điện), nếu không có ý kiến của cơ quan chủ quản cấp trên, xí nghiệp được thanh lý tài sản cố định theo phương án đã trình.

Các khoản thu, chi phát sinh trong quá trình thanh lý tài sản cố định được hạch toán theo chế độ kế toán hiện hành. Phần chênh lệch giữa thu và chi như thu lớn hơn chi được đưa vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất; chi lớn hơn thu thì dùng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất để bù đắp.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. — Chế độ quản lý, khấu hao tài sản cố định và tập định mức tỷ lệ khấu hao này được áp dụng từ ngày Nhà nước công bố giá khôi phục của tài sản cố định sau tổng kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định 0 giờ ngày 1 tháng 10 năm 1985.

Các văn bản về quản lý khấu hao tài sản cố định trước đây trái với quy định này đều không còn hiệu lực.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng thư nhất

CHI TIẾT THỰC
cố định sau tổng kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định 0 giờ ngày 1 tháng 10 năm 1985.

THÔNG TƯ của Bộ Tài chính số 10-TC/ĐTXD ngày 22-7-1986 hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc thành phần kinh tế quốc doanh.

Thực hiện Nghị quyết (dự thảo) của Bộ Chính trị về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở và Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng quy định tạm thời về quyền tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở; Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của các tổ chức sản xuất, kinh doanh (sau đây gọi tắt là xí nghiệp) thuộc thành phần kinh tế quốc doanh như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TRÍCH LẬP VỐN TỰ CÓ VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Các xí nghiệp (quốc doanh và công tư hợp doanh) của các ngành trong nền kinh tế quốc dân (không phân biệt cấp quản lý) có đủ các điều kiện sau đây được trích lập vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản:

1. Có tư cách pháp nhân đầy đủ, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập.
2. Đã được phép thực hiện chế độ trích khấu hao và trích lập các quỹ theo chế độ hiện hành.

Thông tư này không áp dụng đối với các đơn vị dự toán, đơn vị hoạt động theo hình thức lấy thu bù chi hoặc thu đủ chi để

1. Có tư cách pháp nhân đầy đủ, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập.
2. Đã được phép thực hiện chế độ

II. NGUỒN GỐC VÀ TỶ LỆ TRÍCH LẬP VỐN TỰ CÓ VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

1. Nguồn trích lập vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của các xí nghiệp gồm có quỹ khấu hao, quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi và nguồn khác (nếu có).

2. Tỷ lệ trích từ các quỹ để lập vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của các xí nghiệp được quy định như sau :

- Quỹ phát triển sản xuất khoảng 50% ;
- Quỹ phúc lợi khoảng 30%.

(Tỷ lệ trích cụ thể từ 2 quỹ này do giám đốc xí nghiệp quyết định).

- Quỹ khấu hao :

Căn cứ Quyết định số 507-TC/ĐTXD ngày 22-7-1986 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, khấu hao tài sản cố định và căn cứ vào trạng thái tài sản cố định, nhu cầu và điều kiện thực hiện tái tạo tài sản cố định của từng xí nghiệp và quy mô của từng xí nghiệp, nay quy định tỷ lệ phần trăm quỹ khấu hao cơ bản được để lại trích lập vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản cho các loại hình xí nghiệp (theo ngành kinh tế) như phụ lục đính kèm.

Đối với các xí nghiệp được đầu tư bằng vốn của ngân sách Nhà nước mới huy động vào sản xuất, kinh doanh thì trong vòng 5 năm đầu mức khấu hao cơ bản được để lại xí nghiệp bằng 50% của mức quy định nói trên, còn 50% nộp ngân sách Nhà nước.

Sau một thời gian, khi xí nghiệp khấu hao hết số vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước thì được giữ lại toàn bộ khoản trích khấu hao cơ bản.

Đối với các tài sản cố định được đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng thì xí nghiệp được nhận lại toàn bộ khoản trích khấu hao cơ bản để trả nợ vốn đã vay. Số khấu hao cơ bản dùng để trả nợ vay chỉ được lấy từ khoản khấu hao cơ bản trích được của các tài sản cố định đã được đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng và tính theo

chế độ quản lý, khấu hao tài sản cố định hiện hành. Sau khi trả hết nợ vay thì khoản trích khấu hao cơ bản được đưa vào nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của xí nghiệp.

Đối với các tài sản cố định đầu tư bằng vốn tự có, xí nghiệp được giữ lại toàn bộ khoản trích khấu hao cơ bản để bổ sung nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của xí nghiệp.

Đối với tài sản cố định đến kỳ sửa chữa lớn, nhưng xét thấy tài sản cố định cần đổi mới kỹ thuật, không cần thiết sửa chữa lớn theo định kỳ, xí nghiệp được sử dụng phần vốn sửa chữa lớn thuộc tài sản này để bổ sung nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản.

Các nguồn khác (nếu có) như khoản tiền thu được do điều động, nhượng bán tài sản cố định được phép để lại theo quy định của Nhà nước...

3. Số tiền được trích lập vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản bằng (=) tỷ lệ phần trăm như quy định ở điểm 2 trên đây nhân (X) với số tiền được trích của mỗi quỹ trong năm theo chế độ trích khấu hao tài sản cố định và chế độ phân phối lợi nhuận hiện hành.

III. KẾ HOẠCH HÓA, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TỰ CÓ VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

1. Kế hoạch hóa vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản :

Hàng năm đi đôi với việc xây dựng kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính, mỗi xí nghiệp phải xây dựng kế hoạch vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản. Kế hoạch này phải thể hiện số vốn tự có đã trích được từ những năm trước chưa sử dụng tính đến cuối năm báo cáo; số vốn sẽ trích được từ các quỹ trong năm kế hoạch và số vốn sẽ sử dụng trong năm kế hoạch.

Trình tự lập, báo cáo và xét duyệt kế hoạch vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ

bản được thực hiện như trình tự lập, báo cáo và xét duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh — kỹ thuật — tài chính của xí nghiệp.

2. Trình tự thực hiện trích lập vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản trong năm :

Hàng năm, khi tiến hành việc trích các quỹ (khấu hao tài sản cố định, khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi), xí nghiệp tạm trích từ mỗi quỹ (theo những quy định ở mục II của Thông tư này) để bổ sung nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản và gửi ngay vào tài khoản tiền gửi vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản tại Ngân hàng đầu tư xây dựng nơi xí nghiệp mở tài khoản.

Cuối mỗi năm, căn cứ vào kết quả trích các quỹ và tỷ lệ quy định trong mục II của Thông tư này, xí nghiệp phải tính toán đúng số tiền được trích từ mỗi quỹ để lập vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản.

Số tiền đã tạm trích từ mỗi quỹ trong năm so với số tiền được trích, nếu nhỏ hơn thì trích thêm cho đủ, nếu lớn hơn thì trả lại phần đã trích quá của mỗi quỹ.

3. Quản lý, sử dụng vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản:

Vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của các xí nghiệp chỉ được sử dụng vào việc đầu tư chiều sâu nhằm đổi mới thiết bị, xây dựng mới, cải tạo, mở rộng các cơ sở sản xuất, kinh doanh và xây dựng nhà ở, các công trình phúc lợi khác của xí nghiệp.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn tự có đều phải tuân thủ trình tự cũng như các chế độ quản lý của Nhà nước về xây dựng cơ bản.

Trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản các công trình thuộc loại đầu tư bằng nguồn vốn tự có, nếu thiếu vốn

xí nghiệp được Ngân hàng đầu tư và xây dựng cho vay. Nguồn vốn để trả nợ vay là số vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản trích được tiếp theo.

Các Liên hiệp xí nghiệp, Tổng công ty (tổ chức, hoạt động như Điều lệ Liên hiệp các xí nghiệp) có quyền điều hòa nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của các xí nghiệp do mình quản lý (sau khi có sự thỏa thuận của xí nghiệp) để phục vụ cho nhu cầu đầu tư chung trong phạm vi kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được duyệt của Liên hiệp hoặc Tổng công ty; đồng thời phải thông báo cho cơ quan chủ quản cấp trên, cơ quan tài chính và Ngân hàng đầu tư xây dựng đồng cấp.

Các xí nghiệp được phép trích lập và sử dụng vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản phải mở sổ sách và tài khoản kế toán để ghi chép, theo dõi quá trình trích lập quản lý, sử dụng và kết quả xây dựng công trình bằng loại vốn này theo chế độ kế toán thống nhất của Nhà nước.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1986, riêng tỷ lệ khấu hao cơ bản được để lại trích lập vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của xí nghiệp được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 1987 (trong năm 1986 vẫn áp dụng theo quy định tại Thông tư số 13-TC/ĐTXD ngày 10-3-1985 của Bộ Tài chính). Những quy định trước đây trái với Thông tư này không còn hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị các Bộ, các Ủy ban, các địa phương, các đơn vị phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính biết để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

HỒ TẾ

0965338
Tel: +84-8-3845 6884
www.TuuVieuPhapLuat.Com

Phụ lục

Tỷ lệ khấu hao cơ bản để lại xí nghiệp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10-TC/ĐTXD ngày 22-7-1986).

Số thứ tự	Theo ngành kinh tế	Tỷ lệ khấu hao cơ bản để lại cho xí nghiệp so với tổng số khấu hao cơ bản trích được trong năm (%)
1	2	3
I. NGÀNH CÔNG NGHIỆP		
1	Công nghiệp điện năng	25
	– Thủy điện	
	– Nhiệt điện	35
2	Công nghiệp nhiên liệu	
	– Khai thác, tuyển chọn, chế biến than	100
	– Khai thác chế biến dầu khí và khí đốt	30
3	Công nghiệp luyện kim	30
4	Công nghiệp cơ khí	
	– Sản xuất, chế tạo, máy móc thiết bị	40
	– Cơ khí sửa chữa	30
	– Sản xuất dụng cụ thô sơ	40
5	Công nghiệp kỹ thuật điện và điện tử	30
6	Công nghiệp hóa chất	
	– Sản xuất hóa chất, cao su, chất dẻo khác, và sản phẩm từ hóa chất	30
	– Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu	40
	– Sản xuất thuốc các loại	40
7	Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	50
8	Công nghiệp khai thác gỗ, vận chuyển gỗ từ nơi khai thác đến kho bãi	50
9	Công nghiệp chế biến và sản xuất sản phẩm từ gỗ	30
10	Công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, trúc, song, mây	50
11	Công nghiệp xenlulô, giấy, các-tông	40
12	Công nghiệp thực phẩm	40
13	Công nghiệp lương thực	40
14	Công nghiệp dệt	30
15	Công nghiệp may đo quần áo các loại	30
16	Công nghiệp thuộc da và giả da và sản xuất các sản phẩm từ da và giả da	30
17	Công nghiệp sành sứ thủy tinh	30
18	Công nghiệp in	30
19	Công nghiệp khác	30
II. NGÀNH XÂY DỰNG		
20	Các xí nghiệp xây lắp	50
21	Các xí nghiệp thăm dò địa chất, khảo sát, đo đạc, khoan sâu	40
III. NGÀNH NÔNG NGHIỆP		
22	Các nông trường	100
23	Trạm máy kéo	50

096-53883

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1	2	3
24	Công trình thủy nông, thủy lợi	100
25	Trại chăn nuôi	50
26	Xi nghiệp nuôi cá, thủy sản	50
IV. NGÀNH LÂM NGHIỆP		
27	Trồng rừng, tu bổ, cải tạo rừng	100
28	Các xí nghiệp chăm sóc cây trồng và thu hái quả	40
V. NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI		
29	Vận tải đường bộ	50
30	Vận tải đường thủy	50
31	Vận tải đường sắt	50
32	Vận tải hàng không	50
33	Vận tải đường sông	50
34	Xi nghiệp bốc dỡ	50
VI. BƯU ĐIỆN, THÔNG TIN LIÊN LẠC		
VII. THƯƠNG NGHIỆP, CUNG ỨNG VẬT TƯ, THU MUA		
VIII. CÁC NGÀNH SẢN XUẤT VẬT CHẤT KHÁC		
		30
		40
		30

THÔNG TƯ của Bộ Tài chính số 11-TC/CNA ngày 22-7-1986 hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong công nghiệp quốc doanh.

Thi hành Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng quy định tạm thời quyền tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong công nghiệp quốc doanh như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp được quy định dựa trên lợi nhuận thực sự làm ra của xí nghiệp, khi phân phối, có tính đến mức hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh được duyệt; vận dụng

nguyên tắc phân phối theo lao động và sự công bằng xã hội giữa các đơn vị xí nghiệp và giữa các ngành kinh tế; bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa 3 lợi ích là lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể xí nghiệp và lợi ích cá nhân người lao động; sử dụng lợi nhuận như một đòn bẩy kinh tế quan trọng để không ngừng thúc đẩy sản xuất phát triển và kinh doanh có hiệu quả.

2. Căn cứ để thực hiện chế độ phân phối lợi nhuận là số lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận thực tế đạt được của đơn vị xí nghiệp.

— Lợi nhuận kế hoạch hàng năm của xí nghiệp được xác định trên cơ sở tổng doanh thu kế hoạch tính theo giá bán của sản phẩm (sau khi đã trừ đi các khoản chênh lệch giá nếu có), trừ đi giá thành kế hoạch và thu quốc doanh hoặc thuế phải nộp.

Lợi nhuận sản xuất chính, sản xuất phụ bằng phế liệu, phế phẩm và các khoản